

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Tuyển điểm du lịch Việt Nam		<b>Mã học phần 125.180</b>
Tên tiếng Việt: Tuyển điểm du lịch Việt Nam		
Tên tiếng Anh: Routes and tourism destination in Vietnam		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp		
<input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27		Số tiết thảo luận: 36
Số tiết thực hành: 0		Số tiết tự học: 135
Số tiết các hoạt động khác: Không		
Học phần tiên quyết: Không		
Học phần kế tiếp: Không		
Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch		

**1. Thông tin về giảng viên:**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Trịnh Thị Phan	Bộ môn Địa lí, khoa KHXH, ĐH Hồng Đức	0915.244.855 trinhthiphan@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	ThS. Hoàng Hồng Anh	Bộ môn Việt Nam học – Du lịch, Khoa Khoa học Xã hội, ĐH Hồng Đức	0914.305.368 hoanghonganh@hdu.edu.vn	Tham gia

**3. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tuyến và điểm du lịch Việt Nam: Những vấn đề lý luận chung về tuyến và điểm du lịch; Phân vùng du lịch Việt Nam; Đặc điểm chung của các vùng du lịch Việt Nam (về lịch sử, văn hóa, địa lý, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng); Điều kiện phát triển du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù của mỗi vùng du lịch ở Việt Nam; hệ thống điểm, khu, tuyến du lịch của các vùng và liên vùng du lịch Việt Nam.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

<b>CĐR HP (CLOx)</b>	<b>Mô tả chi tiết CĐR HP</b>	<b>CĐR CTĐT liên quan (PLO)</b>
<b>Kiến thức</b>		
<b>CLO1.1</b>	Hệ thống kiến thức và hiểu rõ các khái niệm điểm, tuyến, loại hình, sản phẩm du lịch.	PLO5, PLO6
<b>CLO1.2</b>	Phân tích, so sánh được các giá trị hấp dẫn của các điểm, tuyến du lịch. Mối quan hệ và sự phân bố của các điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam	PLO5, PLO6
<b>Kỹ năng</b>		
<b>CLO2.1</b>	Thiết kế và xây dựng các tuyến du lịch chuyên đề	PLO5, PLO11
<b>CLO2.2</b>	Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình giới thiệu, quảng bá các điểm đến, các chương trình du lịch và tour du lịch	PLO7
<b>Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>		
<b>CLO3.1</b>	Thể hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu	PLO13
<b>CLO3.2</b>	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm của lao động trong du lịch	PLO13

#### 5. Giáo trình/tài liệu tham khảo

##### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

1. Bùi Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục (2006)

##### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

2. Phạm Trung Lương, *Tài nguyên và Môi trường du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001
3. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, *Bản đồ du lịch Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin (2006), Hà Nội

#### 6. Đánh giá kết quả học tập

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

<b>STT</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>Liên quan CĐR HP</b>	<b>Trọng số</b>
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1 CLO3.2	30%
2	Thuyết trình cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	

3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1.1 CLO1.2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2.1 CLO3.1	

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

**7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học** Giảng viên xây dựng nội dung và hình thức tổ chức dạy học theo từng chương của học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Đáp ứng CDR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
	L T	BT/ TL	Thực hành	Khác	Tự học	KT – ĐG			
<b>Nội dung 1:</b> Những vấn đề chung Khái niệm Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng tuyến điểm du lịch Vòng đời của điểm du lịch Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phát triển du lịch Phân vùng du lịch Việt Nam	7	6	0	0	20	KT- ĐGTX BTCN1 BTN1	CLO1.1 CLO1.2 CLO3.1	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học Chuẩn bị bài tập nhóm Chuẩn bị bài tập cá nhân
<b>Nội dung 2:</b> Tuyến và điểm vùng DL Trung du và miền núi phía Bắc	4	6	0	0	20	KT- ĐGTX BTCN1 BTN2	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học Chuẩn bị bài tập nhóm Chuẩn bị bài tập cá nhân

<b>Nội dung 3:</b> Tuyển điểm du lịch vùng ĐBSH và DHĐB	4	6	0	0	20	KT- ĐGTX KTGK	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học -SV chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ
<b>Nội dung 4:</b> Tuyển điểm du lịch vùng Bắc Trung Bộ	4	6	0	0	25	KT- ĐGTX BTCN1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học Chuẩn bị bài tập cá nhân
<b>Nội dung 5:</b> Tuyển điểm du lịch vùng DHNTB và Tây Nguyên	4	6	0	0	25	KT- ĐGTX BTCN1 BTN1	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập nhóm
<b>Nội dung 6:</b> Tuyển điểm du lịch Vùng ĐNB và ĐBSCL	4	6	0	0	25	KT- ĐGTX BTN3	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học - Chuẩn bị làm bài tập nhóm
<b>Tổng</b>	27	36	0	0	135				

**8. Quy định đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.
- Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

Ngày 1 tháng 9 năm 2022

Ngày 25 tháng 8 năm 2022

**Duyệt**  
Khoa KHXH

**Trưởng Bộ môn**  
(Ký/họ tên)

**Giảng viên**  
(Ký/họ tên)

PGS.TS. Mai Văn Tùng

TS. Đào Thanh Thủy

TS. Trịnh Thị Phan

### 10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 1</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>
<b>Cập nhật ĐCCTHP lần 2</b> <i>Ngày tháng năm</i>	<b>Người cập nhật</b>

*Ghi chú: ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho sinh viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho sinh viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.*

### **PHỤ LỤC RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

#### **RUBIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

##### **1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

<b>STT</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>Liên quan CDR HP</b>	<b>Trọng số</b>
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1 CLO3.2	30%
2	Thuyết trình cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2	20%

			CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1.1 CLO1.2	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2.1 CLO3.1	

## 2. CÁC RUBIC ĐÁNH GIÁ

### 2.1. Rubric kiểm tra thường xuyên

#### 2.1.1. Rubric đánh giá chuyên cần

<b>RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN</b>						
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Mức độ đạt chuẩn quy định</b>					<b>Trọng số</b>
	<b>Mức F 0 điểm</b>	<b>Mức D (0,4-5,4 điểm)</b>	<b>Mức C (5,5-6,9 điểm)</b>	<b>Mức B (7,0-8,4 điểm)</b>	<b>Mức A (8,5-10 điểm)</b>	
Chuyên cần	Không đi học (nghỉ quá 20% số giờ trên lớp)	Đi học không chuyên cần	Đi học khá chuyên cần	Đi học chuyên cần	Đi học rất chuyên cần	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%
<b>Điểm trừ</b>	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

#### 2.1.2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Mức độ đạt chuẩn</b>			
	<b>Mức D 0 điểm</b>	<b>Mức C</b>	<b>Mức B</b>	<b>Mức A</b>
		Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm

<b>Thảo luận nhóm</b>	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm
-----------------------	--	--	--	--

### 2.1.3. Rubric đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung thuyết trình phù hợp, cấu trúc logic	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Nội dung không phù hợp, cấu trúc không logic hoặc quá sơ sài	Nội dung phù hợp nhưng cấu trúc còn sơ sài	Nội dung phù hợp và tiêu biểu, cấu trúc rõ ràng đảm bảo logic của vấn đề	Nội dung có tính thực tiễn cao, cấu trúc logic, khoa học và chi tiết
Hình thức trình bày đẹp	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không chuẩn bị báo cáo bằng powerpoint,	Đã chuẩn bị báo cáo ppt song thiết kế chưa đảm bảo tính khoa học, trực quan,	Thiết kế đẹp, trực quan nhưng chưa đảm bảo tính khoa học (còn nhiều kênh chữ)	Thiết kế đẹp, trực quan, sơ đồ hóa nhiều nội dung đảm bảo tính khoa học
Kỹ năng thuyết trình  1. Khả năng giao tiếp bằng mắt và ngôn ngữ cơ thể	1,0	0 đến < 0,4	0,4 đến 0,6	0,6 đến 0,8	0,8 đến 1,0
		Không có sự giao tiếp mắt với khán giả, chỉ đọc toàn bộ ghi chép của báo cáo	Có giao tiếp bằng mắt tối thiểu với khán giả. Có ít sự di chuyển hoặc cử chỉ mô tả	Thường xuyên có sự giao tiếp mắt với khán giả nhưng còn nhìn đọc. Có di chuyển và một số cử chỉ hỗ trợ lời nói	Lôi cuốn khán giả bằng giao tiếp mắt, hiếm khi nhìn ghi chép. Có di chuyển nhịp nhàng giúp khán giả dễ tiếp nhận
		0 đến < 0,4	0,4 đến 0,6	0,6 đến 0,8	0,8 đến 1,0

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung 2. Sự tự tin	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
	1,0	Sự căng thẳng được trông thấy rõ ràng, gặp khó khăn trong việc sửa lỗi	Hơi căng thẳng, gặp khó khăn trong việc khắc phục lỗi sai	Phạm lỗi nhỏ, nhưng khắc phục nhanh chóng, hầu như không bị căng thẳng	Bình tĩnh, tự tin về bản thân và không mắc lỗi
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Có kiến thức chưa đầy đủ về đề tài thuyết trình. Khán giả không hiểu	Có kiến thức khá đầy đủ về đề tài thuyết trình và đáp ứng một phần yêu cầu	Có kiến thức đầy đủ về đề tài thuyết trình và đáp ứng được mỗi yêu cầu	Có kiến thức khá sâu rộng về đề tài thuyết trình và có đào sâu trong mỗi yêu cầu

### 2.3. Rubric đánh giá cuối kỳ

#### 2.3.1. Rubric vấn đáp cuối kỳ

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Trả lời nội dung câu hỏi	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Tương tác cử chỉ	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,75	1,75 đến < 2,25	2,25 đến 3,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Quản lý thời gian	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Quá giờ	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống	Hoàn toàn đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống



**2.3.2. Rubric đánh giá bài tập lớn**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức F 0 điểm</b>	<b>Mức D (0,4-5,4 điểm)</b>	<b>Mức C (5,5-6,9 điểm)</b>	<b>Mức B (7,0-8,4 điểm)</b>	<b>Mức A (8,5-10 điểm)</b>	<b>Trọng số</b>
Hình thức	Không có bài tập, nộp bài tập quá hạn	Trình bày chưa đúng quy định, cấu trúc chưa hợp lý	Trình bày đúng quy định, cấu trúc hợp lý, tuy nhiên còn nhiều lỗi chính tả.	Trình bày đúng quy định, cấu trúc hợp lý	Trình bày đúng quy định, sử dụng văn phong khoa học, cấu trúc hợp lý và có sự sáng tạo, chuyên nghiệp	20%
Nội dung		Các nội dung không liên quan đến đề tài,	Các nội dung có liên quan đến đề tài, nhưng chưa đầy đủ	Bao gồm các nội dung cần thiết liên quan đến đề tài	Bao gồm các nội dung cần thiết liên quan đến đề tài, thể hiện sự vận dụng kiến thức một cách sáng tạo	50%
Kết quả đạt được		Kết quả đạt được không phù hợp với đề tài	Có nhận xét đánh giá, kiến nghị nhưng chưa hoàn toàn phù hợp	Có nhận xét đánh giá, kiến nghị phù hợp, logic	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra, có nhận xét đánh giá, kiến nghị xác đáng, thể hiện sự sáng tạo.	30%